

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/DS-ST

Ngày: 28/11/2022

V/v tranh chấp hợp đồng

mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đào Đắc Cẩm Tú;

Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2022/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Quang S, sinh năm 1993.

Là người đại diện của H kinh doanh Tân Thành C.

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Gia A, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: 1. Ông Nguyễn Phi Đ, sinh năm 1991 (có mặt);

2. Bà Huỳnh Hồng G (G1), sinh năm 1994 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Châu Phúc T.

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Châu Phúc T: Bà Dương Gia A, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại phiên hoà giải và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện của nguyên đơn là bà Dương Gia A trình bày:

Vào ngày 11/01/2020, ông Đ, bà G cùng ông Trần Quang S, hộ kinh doanh T3 có thỏa thuận về việc mua bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản nhằm mục đích để ông Đ bà G nuôi tôm.

Theo thỏa thuận ông S bán cho ông Đ, bà G các sản phẩm như: Thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa, thuốc và hóa chất cho nuôi trồng thủy sản. Quá trình giao nhận hàng hóa thì hai bên sẽ ghi vào sổ theo dõi hàng hóa của mỗi bên. Cụ thể: Ông S giao hàng cho ông Đ, bà G tại kho hàng của H kinh doanh Tân Thành C theo đơn hàng hoặc hỗ trợ vận chuyển hàng hóa đến địa điểm của ông Đ, bà G nếu có thỏa thuận. Khi nhận hàng thì bên ông Đ, bà G phải kiểm tra hàng và ký xác nhận việc giao nhận hàng cho ông S. Về phương thức thanh toán: Ông Đ, bà G phải có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho ông S khi thu hoạch tôm, trường hợp ông Đ, bà G nuôi tôm bị thất thu (tôm chết trước thời hạn thu hoạch) không đương nhiên làm mất nghĩa vụ thanh toán.

Tuy nhiên, ông Đ, bà G đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ theo Bảng đối chiếu xác nhận công nợ các bên đã ký ngày 26/3/2022, ông Đ, bà G xác nhận còn nợ ông S số tiền 85.533.000 đồng.

Nay ông Trần Quang S là đại diện Hộ kinh doanh T3 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Đ, bà G có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trần Quang S là đại diện Hộ kinh doanh T3 số tiền 85.533.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Phi Đ trình bày:

Ông và vợ ông là Huỳnh Hồng G có mua thức ăn tôm của ông Châu Phúc T, địa chỉ ấp S, xã T, huyện M thời gian từ ngày 11/02/2020 cho đến khi chốt nợ là vào ngày 24/3/2022. Vào ngày 24/3/2022, ông Châu Phúc T có nhắn tin qua zalo cho bà G tổng kết số nợ của ông và bà G còn nợ lại là 73.410.000 đồng. Từ ngày 24/3/2022 đến nay ông và bà G không có mua thêm thức ăn nuôi của ông T. Đối với ông Trần Quang S, đại diện Hộ kinh doanh T thì ông và bà G không có mua thức ăn nuôi tôm của Trần Quang S, đại diện Hộ kinh doanh T3. Chữ ký và chữ viết mang tên Huỳnh Hồng G và Nguyễn Phi Đ trong Hợp đồng mua bán ngày 15/02/2022 dưới mục bên mua do bên nguyên đơn cung cấp không phải là chữ ký và chữ viết của ông và bà G. Ông và bà G không có ký hợp đồng mua bán gì với ông Trần Quang S, đại diện Hộ kinh doanh T. Đối với Bảng đối chiếu công nợ tháng 3/2022 do bên nguyên đơn cung cấp chữ ký dưới mục khách hàng mang tên Nguyễn Phi Đ là chữ ký của ông. Khi đối chiếu công nợ là đầu tháng 3/2022 là số nợ 85.533.000 đồng nhưng khi đối chiếu công nợ với ông T vào ngày 24/3/2022, ông và bà G chỉ nợ ông T số tiền 73.410.000

đồng, không phải còn nợ số tiền 85.533.000 đồng. Đối với sổ ghi chép việc mua bán do bên nguyên đơn cung cấp có chữ ký khi nhận hàng, ông không biết ai ký, không phải là chữ ký của ông. Đối với các chữ ký và chữ viết nêu trên ông không yêu cầu Tòa án giám định.

- *Đối với bị đơn bà Huỳnh Hồng G trình bày:*

Bà G thống nhất theo lời trình bày của ông Đ.

- *Đại diện theo uỷ quyền của ông Châu Phúc T là bà Dương Gia A trình bày:*

Ông Châu Phúc T là nhân viên của ông Trần Quang S là đại diện Hộ kinh doanh T3. Ông T thay cho công ty đứng ra bán thức ăn nuôi tôm cho ông Đ bà G nên số nợ là ông Đ bà G là nợ ông Trần Quang S là đại diện Hộ kinh doanh T3, chứ không phải nợ cá nhân ông Châu Phúc T. Trước đây ông Châu Phúc T có nhắn tin qua zalo cho bà G số nợ còn lại là 73.410.000 đồng nhưng số nợ này là đang trong thời điểm giao dịch hai bên còn mua bán nên được trừ chiết khấu nếu ông Đ bà G trả hết số nợ ngay thời điểm còn đang giao dịch. Hiện nay giữa ông S và ông Đ bà G không còn giao dịch mua bán thức ăn tôm nữa nên ông Đ bà G không được trừ chiết khấu nữa, nên số nợ còn lại là 85.533.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn:

Nguyên đơn ông Trần Quang S là đại diện Hộ kinh doanh T3 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn Phi Đ và bà Huỳnh Hồng G trả số tiền nợ gốc là 85.533.000 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn đưa ra là sổ ghi chép việc mua bán hàng có chữ ký của ông Đ, bà G; Bảng đối chiếu xác nhận công nợ tháng 3/2022; Hợp đồng mua bán ngày 15/02/2022 giữa Hộ kinh doanh T3 đại diện ông Trần Quang S và ông Nguyễn Phi Đ, bà Huỳnh Hồng G. Ông Đ bà G trình bày chữ ký và chữ viết mang tên Huỳnh Hồng G và Nguyễn Phi Đ trong Hợp đồng mua bán ngày 15/02/2022 dưới mục bên mua do bên nguyên đơn cung cấp không phải là chữ ký và chữ viết của ông và bà G nhưng ông bà không yêu cầu Tòa án giám định chữ ký và chữ viết nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Đối với bảng đối chiếu xác nhận công nợ tháng 3/2022 ông Đ thừa nhận do ông Châu Phúc T đưa ông ký, số nợ khi đối chiếu là 85.533.000 đồng nhưng ông ký mà không đọc kỹ bảng đối chiếu công nợ nên không biết là số nợ là 85.533.000 đồng và ký với ông Trần Quang S là đại diện kinh doanh Tân Thành C.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình mua bán thức ăn nuôi tôm ông T cũng trình bày ông là nhân viên của ông Trần Quang S đại diện hộ kinh doanh T3. Ông có bán thức ăn tôm cho ông Đ bà G là bán cho ông S. Số nợ cuối cùng ông Đ bà G còn nợ ông S là 85.533.000 đồng. Ông T có nhắn tin qua zalo bà G báo số nợ 73.410.000 đồng vào ngày 24/3/2022 là đúng nhưng số nợ này là đã được trừ tiền chiết khấu nếu ông Đ bà G trả dứt điểm số nợ. Nay ông Đ bà G chưa trả nợ nên

không được trừ chiết khấu số nợ còn lại là 85.533.000 đồng theo Bảng đối chiếu xác nhận công nợ tháng 3/2022 là đúng.

Ông Đ đã ký vào bảng đối chiếu xác nhận công nợ tháng 3/2022 giữa ông và ông Trần Quang S là đại diện hộ kinh doanh T3, số nợ là 85.533.000 đồng. Ông Đ trình bày ông ký vào bảng đối chiếu xác nhận công nợ là do chưa đọc kỹ. Tuy nhiên, ông Đ là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc ông ký vào bảng đối chiếu xác nhận công nợ hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của bảng đối chiếu xác nhận công nợ không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên ông phải chịu trách nhiệm về việc ký kết của mình.

Từ những phân tích nêu trên, có cơ sở khẳng định hiện nay ông Đ còn nợ lại ông S số tiền nợ gốc do mua thức ăn nuôi tôm còn thiếu là 85.533.000 đồng. Ông Đ bà G là vợ chồng. Việc mua thức ăn nuôi tôm là để phục vụ kinh tế chung cho gia đình nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định ông Đ bà G phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ cho phía nguyên đơn.

Việc thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn về việc mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc cho nuôi thủy sản là tự nguyện, bình đẳng, không trái với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được xác định đây là hợp đồng dân sự mà cụ thể là hợp đồng mua bán tài sản được điều chỉnh tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015 được pháp luật bảo vệ.

Ông Trần Quang S đã thực hiện nghĩa vụ bán và chuyển giao hàng hoá là thức ăn chăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho bên mua là ông Nguyễn Phi Đ và bà Huỳnh Hồng G. Ông Đ bà G đã nhận đủ hàng hoá do ông T1 chuyển giao để phục vụ việc nuôi tôm phát triển kinh tế gia đình nhưng ông Đ bà G chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông S theo thỏa thuận và còn nợ của ông S số tiền là 85.533.000 đồng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự. Do đó, ông Trần Quang S yêu cầu ông Đ bà G trả số tiền nợ 85.533.000 đồng đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về án phí:

Yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Quang S được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Nguyễn Phi Đ và bà Huỳnh Hồng G phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản Đ và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quang S là đại diện Hộ kinh doanh T3 về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Phi Đ và bà Huỳnh Hồng G trả số nợ.

2. Buộc bị đơn ông Nguyễn Phi Đ và bà Huỳnh Hồng G phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Trần Quang S là đại diện Hộ kinh doanh Tân Thành C tổng số tiền là 85.533.000 đồng (T2 mươi lăm triệu, năm trăm ba mươi ba nghìn đồng).

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

Nguyên đơn ông Trần Quang S là đại diện Hộ kinh kinh Tân Thành C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.130.000 đồng (hai triệu một trăm ba mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009978 ngày 01/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn ông Nguyễn Phi Đ và bà Huỳnh Hồng G phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.276.600 đồng (bốn triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn, sáu trăm đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền

yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS ND huyện MX;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện M,
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Trần Thị Mến